

Số: /QĐ-UBND

Mường Phăng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ chính sách theo
Nghị định số 66/2025/NĐ- CP ngày 12/3/2025 của Chính Phủ
từ tháng 1 đến 5 Năm học 2024-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MUỜNG PHẮNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ- CP ngày 12/3/2025 của Chính Phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ vào Tờ trình số 173 /TTr-VHXXH, ngày 08/12/2025 của phòng Văn hoá- Xã hội về việc thẩm định danh sách học sinh được thụ hưởng các chế độ chính sách từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2025. Năm học 2024-2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh được hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách từ tháng 1 đến tháng 5 năm 2025. (có danh sách chi tiết kèm theo.)

Điều 2. Kinh phí hỗ trợ cho các cấp học theo danh sách được phê duyệt tại Điều 1, cụ thể như sau:

- Cấp Mầm non: 188.100.000 đồng.

+ Hỗ trợ tiền ăn trưa: 129.600.000 đồng;

+ Đồ dùng, điện nước: 58.500.000 đồng.

- Cấp Tiểu học: 139.940.000 đồng.

+ Hỗ trợ tiền ăn trưa: 98.280.000 đồng;

+ Hỗ trợ gạo: 1.575 kg;

+ Hỗ trợ tiền phục vụ nấu ăn tập trung: 23.692.500 đồng;

+ Hỗ trợ tiền mua sắm, sửa chữa dụng cụ thể dục thể thao: 1.890.000 đồng;

+ Hỗ trợ tiền lập tủ thuốc dùng chung: 1.890.000 đồng;

- + Hỗ trợ tiền điện: 3.937.500 đồng;
- + Hỗ trợ quản lý ngoài giờ: 10.250.000 đồng.
- **Cấp THCS: 1.460.482.500 đồng.**
- + Hỗ trợ tiền ăn: 1.165.320.000 đồng;
- + Hỗ trợ gạo: 18.675 kg.
- + Hỗ trợ tiền phục vụ nấu ăn tập trung: 142.155.000 đồng;
- + Hỗ trợ tiền mua sắm, sửa chữa dụng cụ thể dục thể thao: 22.410.000 đồng;
- + Hỗ trợ tiền lập tủ thuốc dùng chung: 22.410.000 đồng;
- + Hỗ trợ tiền điện: 46.687.500 đồng;
- + Hỗ trợ tiền nước: 0 đồng;
- + Hỗ trợ quản lý ngoài giờ: 61.500.000 đồng.

Tổng cộng: 1.788.522.500 đồng.

(Bằng chữ: *Một tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu năm trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng chẵn./.*)

Điều 3. Giao Trưởng phòng Kinh tế phối hợp với các trường Mầm non, TH, THCS chỉ đạo các trường tổ chức chi trả chế độ cho học sinh theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND-UBND; Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng phòng Văn hoá- Xã hội, Hiệu trưởng các trường Mầm non, TH, THCS có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT. Đảng ủy;
- TT. HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Phòng Kinh tế ;
- Phòng VH-XH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Quang Đôn